Cấu trúc cơ bản của trang HTML có dạng như sau, thường gồm 3 phần:

* <!Doctype>: Phần khai báo chuẩn của html hay xhtml.
* <head></head>: Phần khai báo ban đầu, khai báo về [meta](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_meta.php), [title](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_title.php), [css](https://hocwebchuan.com/tutorial/tut_css.php), javascript…
* <body></body>: Phần chứa nội dung của trang web, nơi hiển thị nội dung.

**Cấu trúc cơ bản**

<!DOCTYPE html>  
<html>  
<head>  
<title>Tiêu đề trang web</title>  
</head>  
  
<body>  
...Phần thân viết ở đây...  
</body>  
</html>

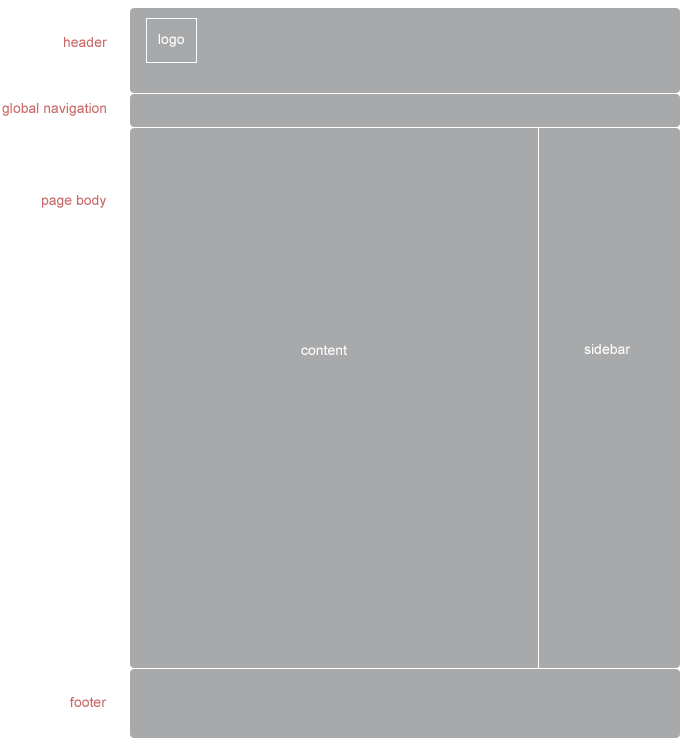
Mỗi trang web đều có cách thể hiện cấu trúc khác nhau, có trang 1 cột, có trang 2 và cũng có trang chứa nhiều cột, bên dưới đây chúng ta tham khảo một trang đơn giản sử dụng 2 cột để layout.

* **Phần đầu:** header, có thể chứa logo, câu slogan, các liên kết, các banner liên kết, các button, đoạn flash, hoặc các form ngắn như form tìm kiếm,...
* **Phần liên kết toàn cục:** global navigation, dùng để chứa các liên kết đến những trang quan trọng trong toàn bộ trang, trong phần này có thể chứa thêm các liên kết con (sub navigation).
* **Phần thân của trang:** page body, phần này chứa phần nội dung chính (content) và phần nội dung phụ (sidebar).
* **Phần nội dung chính:** content, phần này chứa nội dung chính cần thể hiện cho người dùng xem.
* **Phần nội dung phụ:** sidebar, phần này có thể chứa liên kết phụ của từng trang (local navigation),
* hoặc các banner chứa liên kết liên quan, hoặc có thể dùng để chứa các liên kết quảng cáo,...
* **Phần cuối trang web:** footer, phần này thường chứa phần liên hệ như: tên công ty, địa chỉ, số điện thoại, mail liên hệ,... và đặc biệt là copyright, hoặc có thể chứa các liên kết toàn trang, các banner liên kết,...

TÌM HIỂU HTML

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên Thẻ | Thuộc tính chung | Ví dụ | Mô tả |
| <Table> | Align, [border](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_table.php#table02), [cellpadding](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_table.php#table08), [cellspacing](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_table.php#table09), width | <table align="left" border="1" cellpadding="2px" cellspacing="2px" width="100px"></table> | * Tag <table> được dùng để tạo một bảng HTML. * Một tag <table> đơn giản có chứa một hoặc nhiều [<tr>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_tr.php), [<th>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_th.php) và [<td>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_td.php), trong đó:   + <tr> xác định hàng của table.   + <th> xác định phần tử tiêu đề của table   + <td> xác định phần tử nội dung của table * Một table phức tạp có thể bao gồm nhiều thành phần khác, gồm: [<caption>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_caption.php), [<col>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_col.php), [<colgroup>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_colgroup.php), [<thead>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_thead.php), [<tfoot>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_tfoot.php), và [<tbody>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_tbody.php). |
| <a> | [href](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_a.php#a01),name | <a href="index.html" name="products"></a> | Tag <a> xác định một siêu liên kết (hyperlink). Được dùng để:   * Link từ trang này tới trang khác. * Link anchor (link neo) từ vị trí này tới vị trí khác. * Link để mở (hay download) một file nào đó (file word, excel, pdf, image, ...), mở một cửa sổ window hay một object nào đó,... |
| <br> |  | <p>đây là chữ 1</p> <br>  <p>đây là chữ 2</p> | * Tag <br /> là tag dùng để xuống hàng trong cùng đoạn văn, giống phím "Enter". * Tag <br /> là tag trống, nó không có thẻ kết thúc. |
| <button> | [name](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_button.html#but04), [type](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_button.html#but02), [value](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_button.html#but08) | < button name="submitBtn" type="submit" value="Gửi"></button> | Tag <button> được dùng để tạo nút nhấn.  Tag <button> có thể chứa text hay image, đây là điểm khác biệt giữa tag này và [<input />](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_input.php) |
| <div> | align | <div align="left"></div> | * Tag <div> định nghĩa một phân chia khu vực hay một vùng trong văn bản HTML. * Tag <div> thường được dùng để nhóm các thành phần nội dung thành một khối để định dạng bằng [css](https://hocwebchuan.com/reference/cssSection/). |
| <form> | Action, method, name | <form action=" onfirm.php" method="post" name="login"></form> | Tag <form> được dùng để tạo một "biểu mẫu" HTML cho người dùng.  Tag <form> được dùng để truyền dữ liệu lên máy chủ.  Tag <form> không nên dùng để điều khiển layout. |
| <h1> tới <h6> | align | <h1 align="left"></h1> | * Tag <hx>: Sử dụng để định nghĩa tiêu đề cho HTML. * Với <hx> có giá trị từ <h1> tới <h6>. * Trong đó thành phần quan trọng cũng giảm từ <h1> tới <h6> (hay từ tiêu đề lớn nhất là <h1>, và tiêu đề nhỏ nhất là <h6>). * <h1> là thành phần quan trọng nhất trong trang HTML, thường người ta sử dụng <h1> cho logo, hoặc dòng mô tả trang web (mục đích SEO). |
| <hr> | Align, size, width | <p>đây là chữ 1</p> <hr align="left" size="50px" width="50px">  <p>đây là chữ 2</p> | Tag <hr /> tạo một đường nằm ngang, bên trong trang HTML.  Tag <hr /> có thể được sử dụng để tách nội dung bên trong trang HTML. |
| <img> | Alt, src, align, border, height, width | <img alt="Đây là alt" src="img/ img\_name.gif"align="top" border="1px" height="50px" width="50px"/> | * Tag <img /> dùng để nhúng một image vào văn bản HTML * Tag <img /> có 2 thuộc tính cần thiết là src và alt, trong đó:   + src: đường dẫn tham chiếu tới image.   + alt: được sử dụng như một văn bản thay thế khi image không hiển thị (hoặc không có sẵn). Chú ý là alt không phải dùng để hiển thị khi di chuyển chuột lên image, muốn văn bản hiển thị khi di chuyển chuột lên image thì ta dùng thuộc tính title thay thế. |
| <input> | Align, [size](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_input.html#inp01), [src](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_input.html#inp09), type="button",  type="button",  type="file",  type="hidden",type="image",  type="password",  type="radio",  type="reset", type="submit",  type="text",  , value | <input thuoctinh="giatri" /> | Tag <input /> được sử dụng cho người dùng nhập hay chọn thông tin.  Dạng của <input /> có thể có nhiều dạng khác nhau, tùy thuộc vào thuộc tính tùy trọn [type](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_input.php#optionAttr), có thể là text, một checkbox, một trường password, một button radio, một button, ...  Khuyên: sử dụng tag [<label>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_label.php) để tạo nhãn cho các thành phần <input /> |
| <label> | for | <label for="idName"></label> | * Tag <label> định nghĩa nhãn cho thành phần [<input />](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_input.php). * Tag <label> không hiển thị bất cứ gì đặc biệt cho người dùng, tuy nhiên nó cung cấp một cải thiện cho người sử dụng chuột, nếu click chuột vào nhãn, sẽ đưa con trỏ chuột vào vùng <input />. * Muốn sử dụng hiệu quả <label>, cần thiết phải cho giá trị [id](https://hocwebchuan.com/reference/tag/attr/attr_standard.php) của <input /> và giá trị [for](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_label.php#requireAttr) của <label>, hai giá trị này phải trùng nhau. |
| <menu> | compact | <menu compact="compact"></menu> | * Tag <menu> được dùng để tạo một danh sách menu |
| <select> | [disabled](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_select_option.html#se03), [multiple](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_select_option.html#se04),  [name](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_select_option.html#se02),  [size](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_select_option.html#se05) | <select disabled="disabled" multiple="multiple" name="selName" size="30"></select> | Tag <select> được dùng để tạo một danh sách chọn lựa (danh sách thả xuống).  Tag [<option>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_option.php) bên trong thành phần select, định nghĩa giá trị tùy chọn trong danh sách.  Tag <select> và <option> được thường được đặt trong [<form>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_form.php) cho người dùng lựa chọn danh sách. |
| <option> | [disabled](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_select_option.html#se06), [label](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_select_option.html#se07),  [selected](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_select_option.html#se08), [value](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_select_option.html#se09) | <option disabled="disabled" label="optLabel" selected="selected" value="optValue" ></option> | Tag <option> định nghĩa một tùy chọn trong danh sách chọn lựa (danh sách thả xuống).  Tag <option> bên trong thành phần select, định nghĩa giá trị tùy chọn trong danh sách.  Tag [<select>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_select.php) và <option> được thường được đặt trong [<form>](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_form.php) cho người dùng lựa chọn danh sách. |
| <p> | align | <p align="left"></p> | * Tag <p> định nghĩa một đoạn văn bản. * Tag <p> tự động tạo một khoảng trắng trước và sau nó, khoảng trắng này tùy trình duyệt sẽ khác nhau. * Bên trong tag <p> có thể chứa các tag thuộc nhóm [inline](https://hocwebchuan.com/tutorial/tut_html_inline.php) |
| <style> | type | <style type="text/css"></style> | * Tag <style> được dùng để định dạng một văn bản HTML. * Bên trong thành phần <style>, tùy bạn định dạng như thế nào, mà văn bản HTML sẽ hiển thị trên trình duyệt trên trình duyệt như thế ấy. * Tham số bắt buộc bên trong thành phần <style> chỉ cần ["text/css"](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_style.php#requireAttr). |
| <textarea> | [cols](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_textarea.html#tex01), [rows](https://hocwebchuan.com/reference/tag/example/ex_textarea.html#tex01) | <textarea cols="20" rows="20"</textarea> | Tag <textarea> dùng để nhập nhiều dòng văn bản.  Tag <textarea> có thể chứa được nhiều ký tự và làm cho văn bản có một chiều rộng cố định (thường là font Courier).  Kích thước của vùng văn bản có thể được xác định bởi các thuộc tính [rows](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_textarea.php#requireAttr) và [cols](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_textarea.php#requireAttr), và cũng có thể điều chỉnh thông qua [width](https://hocwebchuan.com/reference/cssSection/) và [height](https://hocwebchuan.com/reference/cssSection/) trong [css](https://hocwebchuan.com/reference/cssSection/) |

Tìm



Tìm hiểu HTML5

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thẻ | Thuộc tính Chung | Mô tả thuộc tính Chung | Ví dụ | Mô tả tên thẻ |
| <article> | -title  - id  - style  - class  - hidden  - data-\* | -Thông tin về về phần tử  - Thiết lập một định danh duy nhất cho phần tử HTML  - định nghĩa CSS cho phần tử  - chỉ ra một hoặc nhiều tên lớp áp dụng cho phần tử ( liên quan CSS )  - khi có thuộc tính này phần tử sẽ ẩn  - thuộc tính thiết lập dữ liệu riêng cho phần tử, ký hiệu \* là một tên tự đặt ( dùng cho HTML5 ) | <p title=”thông tin thêm “ </p>  <p id=”idchung”></p>  <p style=”color:#fff”></p>  <p class=”spell”></p>  <p hidden> ví dụ </p>  <p data-dulieu=”dữ liệu”></p> | Định nghĩa một bài báo |
| <figure> |  |  | <figure>Ảnh đẹp </figure> | Đánh dấu một ảnh trong tài liệu |
| <figcaption> |  |  | <figcaption>Chicago</figcaption> | Định nghĩa chú thích cho thẻ <figure> |
| <nav> |  |  | <nav>  <a href=”Home”></a>  <a href=”About”></a>  </nav> | Định nghĩa liên kết điều hướng |
| <header> |  |  |  | Định nghĩa tiêu đề cho tài liệu hoặc phần |
| <main> |  |  |  | Chỉ định các nội dung chính của một tài liệu |
| <footer> |  |  |  | Chỉ định phần footer của một tài liệu hoặc một đoạn |
| <progress> |  |  |  | Miêu tả quá trình xử lý công việc bằng một thanh progressbar, thường được kết hợp với code javascript |
| <section> |  |  | <section id=”section-1”></section>  <section id=”section-2”></section> | Định nghĩa một phần trong tài liệu |
| <source> |  |  | <source src=”nhac.mp3”></source> | Định nghĩa các luồng đa phương tiện cho các phần tử đa phương tiện như <video> và <audio> |
| <time> |  |  | <time>08 : 00</time> | Định nghĩa ngày giờ |
| <track> |  |  |  | Định nghĩa nội dung mô tả như chú thích,bình luận hoặc các loại văn bản khác cho các tập tin đa phương tiện |
| <video> |  |  | <video></video> | Định nghĩa một video hoặc movie |
| <wbr> |  |  | <p>Học HTML <wbr>Học CSS</p> | Định nghĩa một dấu ngắt dòng |
| <dialog> |  |  | <dialog open>  <p>Hello world</p>  </dialog> | Định nghĩa một hộp thoại hoặc một cửa sổ |
| <details> |  |  | <details>  <summer>Học HTML</summer>  <details> | Xác định các chi tiết khác mà người dung có thể xem hoặc ẩn |
| <canvas> |  |  | <script language="javascript">  window.onload = function(){  var canvas = document.getElementById("canvasId");  var context = canvas.getContext("2d");    ... Nội dung ...  };  </script> | Sử dụng để vẽ đồ họa, thông qua một ngôn ngữ script ( Thường là javascript ) |